

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 01 – 2021

“V/v ly hôn giữa
Chị N và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Võ Thái Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Ngọc N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã L, huyện P, tỉnh A

Bị đơn: Anh Ngô Chí T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện P, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Ngọc N trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Do mai mối chị và anh T tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2005 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lạc vào ngày 31/3/2011.

Sau khi cưới vợ chồng sống cùng mẹ ruột, vợ chồng làm ruộng sinh sống, không phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2017 anh T chơi cờ bạc (đánh bài, đá Gà), chị khuyên nhưng anh T không nghe còn chửi chị. Đến tháng 5/2017 vợ chồng lên tỉnh Bình Dương làm thuê sinh sống, anh T nghe lời người khác ghen tuông vô cớ,

vợ chồng cự cãi và anh T đánh chị, chị giận nên cùng các con bỏ đi sống nơi khác ở tỉnh Bình Dương. Đến năm 2020 chị cùng các con về nhà mẹ ruột sống đến nay. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Thời gian ly thân, vài lần anh T điện thoại kêu chị N đến tỉnh Bình Dương để vợ chồng hàn gắn chứ anh T không về tìm chị. Năm 2018 anh T nhờ cô ruột của chị đưa bé Ngọc Tú (con của anh chị) lên chơi với anh, sau đó anh không đưa bé trở về mà đến tháng 8/2020 anh T đưa Ngọc Tú lên xe để tự về với chị. Từ khi vợ chồng ly thân anh T không gửi tiền cho chị và các con, một mình chị nuôi các con ăn học. Mẹ chị khuyên chị nên hàn gắn nhưng anh T không có thiện chí nên chị không đồng ý, mẹ chồng chị không hàn gắn cũng không có ý kiến gì khi vợ chồng chị ly thân. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn với anh Ngô Chí T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Ngô Trung Tính, sinh ngày 10/7/2007 và Ngô Thị Ngọc Tú, sinh ngày 24/02/2011 và Ngô Ngọc Tú Quỳnh, sinh năm 26/8/2017, chị yêu cầu nuôi ba con chung, hiện nay các con đang sống với chị, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không

- Về nợ: Không.

Anh Ngô Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Trần Thị Nhang cho biết: Bà là mẹ ruột của anh Ngô Chí T, chị Cao Thị Ngọc N là vợ của anh T. Vợ chồng anh T và chị N đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về thăm bà rồi lại đi. Khoảng 02 năm trước, không biết lý do gì anh T và chị N ly thân. Anh T đi bán cá chả, khi thì bán ở tỉnh Bình Dương, khi thì bán ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chị N sống với mẹ ruột tại ấp Hòa Hưng 1, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân. Các con của anh T và chị N đang sống chung với chị N.

Bà Lê Thị Hồng là mẹ ruột chị N cho biết: Khoảng 3 năm trước chị N và anh T làm ở tỉnh Bình Dương. Anh T ham chơi cờ bạc, lại ghen tuông vô cớ, nhiều lần anh T đánh chị N nên chị N bỏ về xã hòa Lạc sống cho đến nay. Thời gian ly thân anh T không quan T, cũng không phụ giúp chị N nuôi dưỡng các con. Nay chị N yêu cầu ly hôn, bà đề nghị Tòa án giả quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị N và anh T do tìm hiểu rồi thành vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chị N và anh T đã không còn yêu thương, quan T, chăm sóc cho nhau, không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 03 con chung tên Ngô Trung Tính, sinh ngày 10/7/2007 và Ngô Thị Ngọc Tú, sinh ngày 24/02/2011 và Ngô Ngọc Tú Quỳnh, sinh năm 26/8/2017. Các con từ khi ly thân đến nay đều sống chung với chị N, cháu Tính và cháu Ngọc Tú có nguyện vọng sống với mẹ, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu, đề nghị HĐXX giao các con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Cao Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ngô Chí T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hòa Hưng 1, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung; xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa chị Cao Thị Ngọc N và anh Ngô Chí T được pháp luật thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, anh T có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, nhiều lần Tòa án triệu tập anh T để hòa giải nhưng anh T không đến, cho thấy anh không có ý hàn gắn, hôn nhân anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 03 con chung tên Ngô Trung Tính, sinh ngày 10/7/2007 và Ngô Thị Ngọc Tú, sinh ngày 24/02/2011 và Ngô Ngọc Tú Quỳnh, sinh năm 26/8/2017. Các con từ khi ly thân đến nay đều sống chung với mẹ, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu và phù hợp với yêu cầu của chị N. Xét thấy nên tiếp tục giao 03 con chung cho N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản: Không.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Cao Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Cao Thị Ngọc N được ly hôn với anh Ngô Chí T

2. Về con chung: Chị Cao Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Ngô Trung Tính, sinh ngày 10/7/2007; Ngô Thị Ngọc Tú, sinh ngày 24/02/2011 và Ngô Ngọc Tú Quỳnh, sinh năm 26/8/2017. Các con đang sống với chị N.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án

thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Cao Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001560 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh T không phải chịu án phí.

Chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rõ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

